

Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa

Posted by [BIENXUA](#) on [JULY 23, 2016](#)



1. Giai đoạn hình thành 1951-1954.

Phụ bản A

Nước Pháp thực dân bị sa lầy trong cuộc chiến với Việt Minh cộng sản 1946-1954, khi trở lại xâm chiếm Việt Nam ngay sau chiến tranh thế giới lần thứ hai chấm dứt. Quốc Hội Pháp, vào trung tuần tháng 5/1950, đã thông qua dự luật thành lập một quân đội cho quốc gia Việt Nam thống nhất, với quân số 60.000 người để chiến đấu trong khuôn khổ Liên Hiệp Pháp. Như vậy, việc thành lập Quân Đội Quốc Gia Việt Nam xuất phát từ quyền lợi của nước Pháp thực dân, nhưng từ đó mà từng bước hình thành Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa sau này. Lần lượt các đơn vị được thành lập như sau:



- Bắt đầu với Trường Sĩ Quan Việt Nam tại Huế năm 1948, sau đó chuyển lên Đà Lạt tiếp nhận Trường Võ Bị Liên Quân Đặc Biệt của Pháp, và đổi tên là “Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt”.
- Thiết Giáp 1/1/1951.
- Truyền Tin 1/2/1951.
- Quân Vận 1/5/1951.
- Nhảy Dù 1/8/1951.
- Công Binh 1/9/1951.
- Pháo Binh 1/11/1951.
- Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, 12/1950.
- Trường Sĩ Quan Trừ Bị Nam Định, 12/1950.
- Bộ Tổng Tham Mưu Quân Đội Quốc Gia Việt Nam, 1/5/1952. Bản doanh là ngôi biệt thự ở đại lộ Trần Hưng Đạo, Quận 5, Sài Gòn.



Cuối giai đoạn hình thành 1950-1954, cũng là lúc lãnh thổ Việt Nam bị Hiệp Định Geneve 20/7/1954 chia làm hai quốc gia: từ vĩ tuyến 17 trở lên Bắc là nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa do đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo theo chế độ độc tài, từ vĩ tuyến 17 trở xuống Nam là nước Việt Nam do Quốc Trưởng lãnh đạo theo chế độ tự do. Lúc bấy giờ Quân Đội Quốc Gia Việt Nam vào khoảng 200.000 người, gồm:

Lục Quân.

– Bộ Binh: 67 Tiểu Đoàn. Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt. Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức (Trường Sĩ Quan Nam Định chỉ đào tạo khóa duy nhất vào năm 1951). Trung Tâm Huấn Luyện Quán Tre (tiền thân của Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung).



- Nhảy Dù: 5 Tiểu Đoàn với phiên hiệu 1, 3, 5, 6, 7. Tháng 9/1954, các Tiểu Đoàn được tổ chức thành Liên Đoàn Nhảy Dù.
- Thiết Giáp: 1 Trung Đoàn Thám Thính, 5 Chi Đội biệt lập, 1 Trung Tâm Huấn luyện.
- Pháo Binh: 5 Tiểu Đoàn với phiên hiệu 1, 2, 3, 4, 5.
- Truyền Tin: 6 Đại Đội.
- Công Binh: 6 Đại Đội.
- Quân Vận: 6 Đại Đội.

Không Quân.

- 2 Phi Đoàn quan sát và trợ chiến, trang bị phi cơ Morane Saulnier. Ngay trước cuối năm 1954, nhận thêm 39 phi cơ do Mỹ viện trợ qua trung gian của Pháp, gồm Cessna L19, phi cơ vận tải C45 và C47.

Hải Quân.

- 3 Hải Đoàn Xung Phong, trang bị LCM và LCVP.
- 3 liên Đoàn Tuần Giang.
- Một lực lượng com-măng-đô. Tuy không thuộc Hải Quân, nhưng khi chuyển vào Nam thì sáp nhập vào một tổ chức có tên là "Hải Quân Bộ Binh". Binh Chủng này là tiền thân của "Thủy Quân Lục Chiến" vào năm 1955.

2. Giai đoạn phát triển lần thứ nhất 1955-1967.

Hạ tuần tháng 10/1955, sau cuộc trưng cầu ý dân với kết quả Quốc Trưởng Bảo Đại bị truất phế, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm trở thành Tổng Thống. Nước Việt Nam là một nước Cộng Hòa, gọi ngắn gọn là “Việt Nam Cộng Hòa”. Cũng từ đây, tiêu đề trên các văn thư quân sự là “Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa”.



Với sự yểm trợ của Hoa Kỳ, một kế hoạch cải tiến được thực hiện, từ những đơn vị cấp Tiểu Đoàn lên cấp Trung Đoàn, Sư Đoàn, trong một hệ thống tổ chức lớn hơn, chặt chẽ hơn, thống nhất trang bị, thống nhất chỉ huy, thống nhất huấn luyện. Tuy đã đình chiến, nhưng mãi đến đầu tháng 7/1955, Bộ Tổng Tham Mưu mới chánh thức chỉ huy toàn thể quân đội do Bộ Tư Lệnh Quân Viễn Chinh Pháp chuyển giao. Nửa đầu năm 1956, khi người lính viễn chinh cuối cùng của Pháp rời khỏi Việt Nam, Bộ Tổng Tham Mưu chuyển đến doanh trại bề thế hơn, khang trang hơn, tọa lạc gần cổng vào phi trường Tân Sơn Nhất. Trước mặt là đường Võ Tánh nối dài, sau lưng là đường Võ Di Nguy. Vậy là, trang sử nước Việt Nam thuộc địa của Pháp, được khép lại từ đây.

Giữa năm 1964, quân đội gồm Hải Quân, Lục Quân, Không Quân, Địa Phương Quân, và Nghĩa Quân, dưới danh xưng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Và cuối giai đoạn phát triển, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, vào khoảng 650.000 người, gồm:

Lục Quân.

- Bộ Binh. Năm 1955-1956, thành lập 4 Sư Đoàn Dã Chiến (phiên hiệu 1, 2, 3, 4), và 6 Sư Đoàn Khinh Chiến (phiên hiệu 11, 12, 13, 14, 15, 16). Năm 1957-1959, 10 Sư Đoàn này được tổ chức lại thành 7 “Sư Đoàn Bộ Binh”. Quân số mỗi Sư Đoàn là 10.500 người, bằng 2 lần quân số Sư Đoàn Khinh Chiến. Các Sư Đoàn Bộ Binh với phiên hiệu 1, 2, 5, 7, 21, 22, 23. Những năm sau đó, Sư Đoàn 9, 18, và 25 Bộ Binh được thành lập. Cộng chung là 10 Sư Đoàn Bộ Binh. Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I, II, III, và IV, lần lượt hình thành với trách nhiệm an ninh toàn lãnh thổ.



- Nhảy Dù. Năm 1962, Liên Đoàn được phát triển lên cấp Lữ Đoàn, và tiếp tục phát triển thành Sư Đoàn Nhảy Dù vào cuối giai đoạn.

- Biệt Động Quân. Binh Chủng được thành lập năm 1960 với cấp Đại Đội. Ngay trong nửa đầu năm 1960, đã hoàn tất 50 Đại Đội và hoạt động sâu trong vùng thường ghi nhận có địch. Năm 1963 lên đến 86 Đại Đội. Dần dần hình thành các bộ chỉ huy Tiểu Đoàn bên cạnh các Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn/Vùng Chiến Thuật, với các phiên hiệu 11, 21, 22, 31, 32, 33, và 41.



- Thiết Giáp. Một số đơn vị trước 1954 cộng với một số mới thành lập, Binh Chủng này có 4 Trung Đoàn Kỵ Binh Thiết Giáp được trang bị thám thính xa, chiến xa M24. Ngoài ra còn có 1 Liên Đoàn Thủy Xa. Năm 1963, sau thời gian trắc nghiệm tại Sư Đoàn 7 và Sư Đoàn 21 Bộ Binh thành công, Thiết Giáp được trang bị thiết vận xa M113 và M114. Năm 1964-1965, chiến xa M41 thay thế chiến xa M24 và thám thính xa V100 thay thế thám thính xa M8 lỗi thời.



- Pháo Binh. Năm 1955, Pháo Binh có 9 Tiểu Đoàn với phiên hiệu 1, 2, 3, 4, 5, 6, 12, 32, 34. Năm sau đó, thành lập thêm Tiểu Đoàn 23 và 25. Đồng thời Tiểu Đoàn 34 Pháo Binh là đơn vị đầu tiên được trang bị đại bác 155 ly. Theo đà bành trướng chiến tranh của quân cộng sản, Pháo Binh trong tổ chức mỗi Sư Đoàn Bộ Binh có 2 Tiểu Đoàn Pháo Binh 105 ly được trang bị 18 khẩu cho mỗi Tiểu Đoàn (thay vì trước đó là 12).

- Lực Lượng Đặc Biệt, được thành lập vào những năm cuối giai đoạn, với nhiệm vụ hoạt động dọc biên giới Việt Nam-Cam Bốt và Việt Nam-Lào. Vì là “nhiệm vụ đặc biệt”, nên tổ chức không theo khuôn mẫu các binh chủng khác. A là đơn vị nhỏ nhất, từ những căn cứ trong rừng dọc biên giới hoặc những hành lang mà quân cộng sản dùng xâm nhập, xuất phát thu thập tin tức hoặc tấn công địch. B gồm nhiều A. Và C, là bộ chỉ huy đặt cạnh Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn/Vùng Chiến Thuật.

Không Quân.

Năm 1955, tiếp nhận căn cứ Nha Trang và đổi tên là “Căn Cứ Trại Lực Không Quân số 1”. Năm 1956, tiếp nhận căn cứ Tân Sơn Nhất và căn cứ Biên Hòa. Cả hai đổi thành “Căn Cứ Trại Lực Không Quân số 2” và “số 3”. Đến cuối năm 1958, Không Quân có 7 Phi Đoàn, gồm: 1 Phi Đoàn khu trục, 2 Phi Đoàn liên lạc, 2 Phi Đoàn vận tải, 1 Phi Đoàn trực thăng, và 1 Phi Đoàn đặc vụ.



Từ 1961 đến 1964, Hoa Kỳ liên tục cung cấp nhiều loại phi cơ, nhất là khu trục cơ AD6, trực thăng H34. Đơn vị tác chiến và yểm trợ tác chiến, được phát

triển lên cấp Không Đoàn tại mỗi Vùng Chiến Thuật, với phiên hiệu và đồn trú như sau:

- Không Đoàn 41, Đà Nẵng.
- Không Đoàn 62, Plei Ku.
- Không Đoàn 23, Biên Hòa.
- Không Đoàn 33, Tân Sơn Nhất.
- Không Đoàn 74, Cần Thơ.

Năm cuối của giai đoạn này, có 1 Phi Đoàn khu trục được trang bị phản lực cơ F5. Phiên hiệu của các đơn vị xếp thành 3 số. Theo đó, số hàng trăm để chỉ công dụng của đơn vị, như: số 1 là liên lạc, số 2 là trực thăng, số 3 là đặc vụ, số 4 là vận tải, số 5 là khu trục, số 7 là quan sát, số 8 là hỏa long, và số 9 là huấn luyện. (không thấy nói đến số 6)

Hải Quân.

Năm 1955, Quân Chung này có một lực lượng tác chiến với 24 chiến hạm, hơn 110 chiến đĩnh, trong tổ chức 5 Hải Đoàn và 1 Hải Lực. Năm 1959, Lữ Đoàn Thủy Quân Lục Chiến tách ra khỏi Hải Quân để trở thành lực lượng tổng trừ bị. Hải Quân lần lượt tiếp nhận tàu chiến từ Hải Quân Hoa Kỳ:

- Năm 1956 đến 1963, gồm 31 chiến hạm với 193 chiến đĩnh.



– Năm 1964 đến 1967, gồm 9 chiến hạm và hàng trăm ghe xi-măng gắn máy Yabuta thay ghe buồm của lực lượng Hải Thủy.

Do nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa bành trướng chiến tranh trên lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa, một số quốc gia Đồng Minh đưa quân đến cùng chúng ta chiến đấu chống quân cộng sản. Đó là Hoa Kỳ, Đại Hàn, Úc Đại Lợi, Phi Luật Tân, Thái Lan, Tân Tây Lan.

3. Giai đoạn phát triển cao điểm 1968-1975.

Cuối tháng 1/1968, quân cộng sản mở cuộc tổng tấn công vào thủ đô Sài Gòn, cố đô Huế, và hơn 30 tỉnh lỵ trên toàn lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa, tuy bị tấn công bất ngờ vì là hai bên đơn phương tuyên bố ngưng bắn nhân những ngày Tết Mậu Thân, nhưng quân cộng sản đã bị đánh bại hoàn toàn tại tất cả các thành phố tỉnh lỵ. Trong trận chiến này, cho thấy lực lượng cộng sản được khối cộng sản quốc tế trang bị vũ khí mới, nên Hoa Kỳ thực hiện chương trình tối tân hóa quân dụng cho Việt Nam Cộng Hòa. Bắt đầu là lực lượng tổng trừ bị, dần dần đến toàn bộ Hải Lục Không Quân.

Hội Nghị quốc tế về Việt Nam họp tại Paris, Pháp quốc, từ nửa cuối năm 1968 đến đầu năm 1973, một Hiệp Định hình thành mà theo đó các quốc gia Đồng Minh rút khỏi Việt Nam Cộng Hòa. Chính phong trào phản chiến tại Hoa Kỳ đã dẫn đến Hội Nghị Paris. Đằng sau của Hiệp Định là chương trình “Việt Nam Hóa Chiến Tranh”, theo đó thì Hoa Kỳ để lại đa số quân dụng giúp trang bị cho các đơn vị gấp rút thành lập thay thế phần nào mà các đơn vị Đồng Minh rút khỏi Việt Nam. Trọng tâm là phát triển Không Quân, Hải Quân, Thiết Giáp, và Pháo Binh.

Vào cuối giai đoạn này, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa với quân số lý thuyết 1.100.000 người, gồm:

Cơ quan trung ương.

Bộ Tổng Tham Mưu với đầy đủ các cơ quan, binh chủng, và binh sở trong hệ thống quản trị hành chánh, nhân viên, huấn luyện, chiến tranh chính trị, tiếp vận. Riêng ngành Tiếp Vận có khả năng sửa chữa và tân trang toàn bộ quân dụng chung, do Lục Quân Công Xưởng, các Căn Cứ 10 Quân Nhu, 40 Công Binh, 50 Đạn Dược, 60 Truyền Tin, 90 Tồn Trữ Sửa Chữa Dù, và các Trung Tâm Bảo Toàn trách nhiệm. Quân dụng chung là quân dụng thuộc Lục Quân quản trị, nhưng có trang bị trong Hải Quân và Không Quân.



Lục Quân.

Chỉ huy, tác chiến, và yểm trợ tác chiến, có:

- 4 Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn và các đơn vị yểm trợ trực thuộc.
- 11 Sư Đoàn Bộ Binh (Sư Đoàn 3 Bộ Binh thành lập tháng 10.1971).
- 1 Sư Đoàn Nhảy Dù.
- 1 Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến.
- 1 Liên Đoàn Biệt Cách Dù.
- Hơn 20 Liên Đoàn Biệt Động Quân.
- 4 Lữ Đoàn Kỹ Ninh Thiết Giáp.
- Lực Lượng Lô Hổ và Biệt Hải thuộc Nha Kỹ Thuật.
- Các đơn vị Pháo Binh biệt lập.
- Và lực lượng Địa Phương Quân Nghĩa Quân (chiếm khoảng 1/2 quân số).

Vào những ngày cuối tháng 4/1975, Sư Đoàn 106 Biệt Động Quân được thành lập bằng cách kết hợp 3 Liên Đoàn của binh chủng này, cùng với đơn vị Thiết Giáp và Pháo Binh. Sư Đoàn có nhiệm vụ tổ chức tuyến phòng thủ Phú Lâm, cửa ngõ vào thủ đô Sài Gòn từ hướng tây nam.

Không Quân.

Quân số hơn 60.000, tổ chức tổng quát gồm:

- 1 Bộ Tư Lệnh với đầy đủ các cơ quan và binh sở yểm trợ.
- 5 Sư Đoàn tác chiến.
- 1 Sư Đoàn vận tải.
- 1 Không Đoàn Tân Trang & Chế Tạo.



Chỉ trong năm 1973, tiếp nhận hơn 900 phi cơ, gồm: 560 trực thăng, 230 khu trục, 100 vận tải, và các loại khác. Trong tổ chức 6 Sư Đoàn Không Quân, có số lượng các Phi Đoàn như sau:

- 20 Phi Đoàn khu trục, trang bị khoảng 550 phi cơ A1H, A37, và F5.
- 23 Phi Đoàn trực thăng, trang bị khoảng 1000 phi cơ UH1 và CH47.
- 8 Phi Đoàn quan sát, trang bị khoảng 200 phi cơ O1, O2, và U17.
- 9 Phi Đoàn vận tải, trang bị khoảng 150 phi cơ. C7, C47, C119, và C130.
- Và 4 Phi Đoàn Hỏa Long, trang bị phi cơ AC119 (không rõ số lượng).

Ngoài ra còn có các Phi Đoàn trực giác (tình báo kỹ thuật), Phi Đoàn quan sát RC119L, và Biệt Đoàn đặc vụ 314.

Hải Quân.

Đầu năm 1969, Hải Quân liên tiếp tiếp nhận tàu chiến từ các Giang Đoàn 91, 533, 534, 574, và 591 của Hải Quân Hoa Kỳ chuyển giao. Với quân số hơn 40.000, ngoài các đơn vị yểm trợ hành chánh, nhân viên, huấn luyện, tiếp vận (có Hải Quân Công Xưởng), Hải Quân tổ chức thành 3 lực lượng tác chiến:

- Hành quân lưu động sông, với 14 Giang Đoàn trang bị khoảng 260 chiến đỉnh.
- Hành quân lưu động biển, với 1 Hạm Đội trang bị tuần dương hạm, hộ tống hạm, khu trục hạm, tuần duyên hạm, giang pháo hạm, trợ chiến hạm, dương vận hạm, hải vận hạm, và giang vận hạm.
- Các Lực Lượng đặc nhiệm 211 thủy bộ với 6 Giang Đoàn, 212 tuần thám với 12 Giang Đoàn, 214 trung ương với 6 Giang Đoàn, và Liên Đoàn Người Nhái. (Tôi nhớ có Lực Lượng Đặc Nhiệm 213, nhưng trên tài liệu thì không thấy)

Tóm tắt.

Đến ngày sụp đổ 30 tháng 4 năm 1975, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa có:

- Hơn 1.000.000 quân.
- Khoảng 2 triệu khẩu súng cầm tay.
- 1.200 xe chạy xích, kể cả chiến xa M48.
- Hơn 1.000 khẩu đại bác từ 105 xe kéo đến 175 ly cơ động.
- 40.000 xe chạy bánh. - Hơn 1.600 chiến hạm chiến đỉnh.
- Hơn 2.000 phi cơ.

Phụ bản B

Giải thích các sơ đồ

- (1) Quân Đội. Quân số lý thuyết 1.100.000 quân, với khoảng 150.000 công chức quốc phòng.
- (2) Đơn vị đặc biệt của Bộ Tổng Tham Mưu là Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù và Nha Kỹ Thuật (xâm nhập hoạt động trong vùng địch)
- (3) Tổng Cục Tiếp Vận. Là cơ quan tham mưu của Bộ Tổng Tham Mưu, vừa là cơ quan chỉ huy các ngành Quân Cụ, Quân Nhu, Quân Vận, Quân Y, Quân Tiếp Vụ, Truyền Tin, Công Binh, Mãi Dịch, Trường Tiếp Vận, Trung Tâm Tiếp Liệu Lục Quân, Trung Tâm Điện Toán Tiếp Vận.
- (4) Phòng 1. Quản trị quân nhân theo chỉ số. Cơ quan trực thuộc là các Phòng Tuyển Mộ & Nhập Ngũ tại các địa phương.

- (5) Phòng 2. Tình báo quân sự, với các cơ quan trực thuộc: Trường Quân Báo, Trung Tâm Khai Thác Tài Liệu, Trung Tâm Khai Thác Chiến Cự, Trung Tâm Thẩm Vấn Tù Binh, Trung Tâm Giải Đoán Không Ảnh, và Đơn Vị 101 (tình báo chìm)
- (6) Phòng 3. Tổ chức và hành quân, có Trung Tâm hành Quân.
- (7) Phòng 6. Truyền Tin & Điện Tử, với Tiểu Đoàn Truyền Tin/Tổng Tham Mưu, và Đơn Vị 15 (kiểm thính vô tuyến).
- (8) Phòng 7. Tình báo kỹ thuật, có Biệt Đội Kỹ Thuật với phi cơ L20 trang bị hệ thống máy điện tử săn tìm các sóng vô tuyến của quân cộng sản.
- (9) Phòng Tổng Quản Trị. Quản trị quân nhân theo chỉ danh, với các cơ quan trực thuộc: Trung Tâm Điện Toán Nhân Viên, Trung Tâm Ấn Loát Ấn Phẩm, Trung Tâm Quân Bưu, Trung Tâm Văn Khố.
- (10) Cục Truyền Tin, với các đơn vị trực thuộc: Căn Cứ 60, tân trang các loại máy liên hệ, Trung Tâm Qui Chuẩn Lục Quân, và Trường Truyền Tin về chuyên môn.
- (11) Cục Công Binh, với các đơn vị trực thuộc: Căn Cứ 40, tân trang các loại máy liên hệ, 4 Liên Đoàn Công Binh Chiến Đấu, 4 Liên Đoàn Công Binh Kiến Tạo, và Trường Công Binh về chuyên môn.
- (12) Cục Quân Cự, với các đơn vị trực thuộc: Lục Quân Công Xưởng tân trang các loại quân dụng liên hệ, Căn Cứ 50 Tồn Trữ Đạn Dược, Trung Tâm Thâu Hồi Quân Dụng, và Trường Quân Cự.
- (13) Cục Quân Nhu, với các đơn vị trực thuộc: Trung Tâm Khảo Sát Kỹ Thuật, Căn Cứ 10 Tồn Trữ Thực Phẩm Quân Trang, Căn Cứ 30 Tồn Trữ Nhiên Liệu, Căn Cứ 90 Tồn trữ và Tiếp Tế Thả Dù, và Trường Quân Nhu.
- (14) Cục Quân Vận, với Liên Đoàn 10 Vận Tải tổng trừ bị, các Giang Đoàn Vận tải, Giang Đoàn Sửa Chữa, Quân Cảng Sài Gòn.
- (15) Cục Quân Y, với các đơn vị: Căn Cứ 70 Tồn Trữ Y Dược, Tổng Y Viện Cộng Hòa, Tổng Y Viện Duy Tân, và các Quân Y Viện.
- (16) Cục Quân Tiệp Vụ, với các đơn vị; Kho trung ương, và một hệ thống các Trung Tâm Bán Lê.
- (17) Đồn trú của các Bộ Chỉ Huy Tiếp Vận (BCH/TV):

- BCH1TV: Đà Nẵng, yểm trợ các đơn vị đồn trú lãnh thổ Quân Đoàn I.
- BCH2TV: Qui Nhơn, yểm trợ các đơn vị đồn trú lãnh thổ Bắc Quân Đoàn II.
- BCH3TV: Biên Hòa, yểm trợ các đơn vị đồn trú lãnh thổ Quân Đoàn III.
- BCH4TV: Cần Thơ, yểm trợ các đơn vị đồn trú lãnh thổ Quân Đoàn IV.
- BCH5TV: Cam Ranh, yểm trợ các đơn vị đồn trú lãnh thổ Nam Quân Đoàn II.

(18) Hệ thống chỉ huy yểm trợ các đơn vị.

(19) Hệ thống quản trị nhân viên, tiếp liệu, sửa chữa, và vận chuyển.

(20) Cung cấp tiếp liệu quân dụng các loại.

(21) Sửa chữa quân dụng hư hỏng cấp 3 và cấp 4.

(22) Hệ thống sửa chữa quân dụng có 5 cấp:

- Cấp 1: người sử dụng trách nhiệm (tức tài xế)
- Cấp 2: cơ xưởng của đơn vị trách nhiệm.
- Cấp 3 và 4: các Trung Tâm Bảo Toàn Trung Hạng trực thuộc các Bộ Chỉ Huy Tiếp Vận trách nhiệm.
- Cấp 5 hay tân trang: Lục Quân Công Xưởng, Căn Cứ 40 Công Binh, Căn Cứ 60 Truyền Tin, trách nhiệm.

(23) Bộ Chỉ Huy Quân Vận cạnh các Bộ Chỉ Huy Tiếp Vận, có: Quân Cảng, các Giang Đoàn Vận tải, Liên Đoàn Vận Tải (đường bộ).

(24) Các Liên Đoàn Quân Nhu, có: Các Kho Thực Phẩm Quân Trang, các Kho Nhiên Liệu.

(25) Các Liên Đoàn Đạn Dược, có các kho đạn và chất nổ.

(26) Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, đào tạo Sĩ Quan trừ bị.

(27) Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, đào tạo Sĩ Quan hiện dịch có trình độ đại học.

(28) Trường Chỉ Huy Tham Mưu Cao Cấp, đào tạo cấp chỉ huy Tiểu Đoàn, Trung Đoàn, Sư Đoàn. (Trường Cao Đẳng Quốc Phòng, đào tạo cấp lãnh đạo các ngành sinh hoạt quốc gia, trực thuộc Bộ Quốc Phòng)

(29) Các trường chuyên môn, đào tạo sĩ quan và chuyên viên cho các binh chủng binh sở.

(30) Trường Hạ Sĩ Quan, đào tạo Hạ Sĩ Quan (xương sống của quân đội).

(31) Các Trung Tâm Huấn Luyện, đào tạo chiến binh.



(32) Đồn trú của các Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn:

- Quân Đoàn I: Đà Nẵng.
- Quân Đoàn II: Plei Ku.
- Quân Đoàn III: Biên Hòa.
- Quân Đoàn IV: Cần Thơ.

(33) Pháo Binh Quân Đoàn, có:

- Đại bác 105 ly xe kéo.
- Đại bác 155 ly xe kéo.
- Đại bác 175 ly cơ động.
- Đại bác phòng không.

(34) Thiết Giáp Kỵ Binh Quân Đoàn, có:

- Thiết Vận Xa M113.
- Chiến Xa M41.

– Chiến Xa M48.

(35) Lực lượng tại mỗi Tiểu Khu, có:

- Địa Phương Quân.
- Nghĩa Quân.
- Chi Đội Thám Thính.
- Các Trung Đội Pháo Binh diện địa.
- Giang Đội vận tải
- Trung Tâm Yểm Trợ Tiếp Vận.

(36) Đồn trú của các Sư Đoàn:

- Sư Đoàn 1 Bộ Binh: Huế.
- Sư Đoàn 2 Bộ Binh: Quảng Ngãi.
- Sư Đoàn 3 Bộ Binh: Đà Nẵng.
- Sư Đoàn 5 Bộ binh: Lai Khê, Bình Dương.
- Sư Đoàn 7 Bộ Binh: Mỹ Tho.
- Sư Đoàn 9 Bộ Binh: Sa Đéc.
- Sư Đoàn 18 Bộ Binh: Xuân Lộc, Long Khánh.
- Sư Đoàn 21 Bộ Binh: Bạc Liêu.
- Sư Đoàn 22 Bộ Binh: Qui Nhơn.
- Sư Đoàn 23 Bộ Binh: Ban Mê Thuột.
- Sư Đoàn 25 Bộ Binh: Củ Chi, Hậu Nghĩa.
- Sư Đoàn Nhảy Dù: Sài Gòn.
- Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến: Sài Gòn.

(37) Pháo Binh Sư Đoàn, có:

- 3 Tiểu Đoàn với đại bác 105 ly.
- 1 Tiểu Đoàn với đại bác 155 ly.

<http://batkhuat.net/tl-qlvnch.htm>

Nguồn: <https://bienxua.wordpress.com/2016/07/23/quan-luc-viet-nam-cong-hoa/>

www.vietnamvanhien.org

